

Số: /BC-UBND

Hải Dương, ngày tháng 12 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Tài chính nhà nước tỉnh Hải Dương năm 2020**

*(Tài liệu trình HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 5)*

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước; Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước; Thông tư 39/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Báo cáo tài chính nhà nước năm 2020 như sau:

### **I. MỤC TIÊU, PHẠM VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC:**

#### **1. Mục tiêu:**

Mục tiêu của Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN) là cung cấp thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước của địa phương. Qua Báo cáo tài chính, thông tin tài chính nhà nước sẽ được minh bạch hóa, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý tài chính hiện đại, hướng đến phù hợp với thông lệ và chuẩn mực kế toán công quốc tế.

So với các báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước, BCTCNN sẽ cung cấp bức tranh đầy đủ và toàn diện hơn về tiềm lực tài chính của khu vực tài chính nhà nước, bao gồm thông tin về: Tài sản công, nguồn vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nợ công, thu nhập, chi phí, các tài sản và nguồn vốn khác của nhà nước... . Qua đó, nhà quản lý, nhà đầu tư, các tổ chức kinh tế, người dân có thể phân tích được toàn bộ thực trạng và quản lý nguồn lực (*tài sản công, nợ công, doanh thu, chi phí...*). Từ đó, đánh giá hiệu quả chi tiêu công, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính nhà nước cũng như phân tích khả năng tài chính của địa phương để đưa ra các giải pháp quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực, quản lý vay nợ, giảm thiểu áp lực chi tiêu và những rủi ro tài chính trong tương lai, nhằm duy trì tính ổn định và bền vững, tăng khả năng tín nhiệm của nền tài chính địa phương.

#### **2. Phạm vi:**

Theo quy định, số liệu BCTCNN tỉnh Hải Dương được tổng hợp từ Báo cáo cung cấp thông tin của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước: Đơn vị dự toán

cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan quản lý tài sản và nguồn vốn của nhà nước, 6 tổ chức chính trị - xã hội (*không tổng hợp thông tin tài chính của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp*). Qua đó, phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ NSNN địa phương hoặc do tỉnh Hải Dương quản lý.

Số liệu trên BCTCNN tỉnh Hải Dương được tổng hợp từ 1.213 Báo cáo cung cấp thông tin tài chính nhà nước của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp tỉnh và UBND các xã phường, thị trấn; số liệu thu và phải thu của các Chi cục Thuế và Cục Thuế tỉnh Hải Dương; số liệu vay nợ của tỉnh được tổng hợp từ KBNN Hải Dương và số liệu vay của tỉnh do Vụ Ngân sách Nhà nước - Bộ Tài chính cung cấp; số liệu vốn nhà nước tại doanh nghiệp do tỉnh quản lý từ Sở Tài chính Hải Dương cung cấp và một số số liệu thu, chi NSNN khác chưa có trong các báo cáo nêu trên do KBNN Hải Dương tổng hợp từ hệ thống TABMIS.

## **II. NỘI DUNG CỦA BCTCNN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Hải Dương bao gồm 4 báo cáo: Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước tỉnh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tỉnh, Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước tỉnh.

### **1. Quy trình lập, gửi BCTCNN Tỉnh**

#### ***1.1. Lập Báo cáo cung cấp thông tin tài chính***

- Đơn vị dự toán cấp I lập Báo cáo cung cấp thông tin tài chính (Báo cáo CCTTTC) gửi KBNN đồng cấp để tổng hợp báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện gửi KBNN tỉnh lập BCTCNN tỉnh:

- Sở Tài chính: Cung cấp thông tin tài chính năm 2020 liên quan đến vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý theo Mẫu số 04/CCTT kèm theo Thông tư số 133/2018/TT-BTC.

- Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế khu vực: Cung cấp thông tin tài chính nhà nước năm 2020 liên quan đến các khoản thu thuế và thu nội địa khác được giao quản lý và các khoản thu nội địa vãng lai khác (nếu có);

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập Báo cáo tài chính xã theo hướng dẫn tại Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã hiện hành và gửi KBNN cấp huyện;

- Vụ Ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính): Cung cấp thông tin tài chính năm 2020 liên quan đến tình hình vay và trả nợ của chính quyền địa phương năm 2020 theo mẫu quy định tại Phụ lục III, Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

- Báo cáo CCTTTC của KBNN cấp Tỉnh, cấp huyện: Số liệu liên quan đến hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 và các thông tin tài chính nhà nước khác giao KBNN cấp tỉnh, cấp huyện theo dõi.

### ***1.2. Tiếp nhận, kiểm tra Báo cáo CCTTTC:***

KBNN tỉnh tiếp nhận Báo cáo CCTTTC của các đơn vị qua cổng thông tin điện tử Tổng kế toán nhà nước, kiểm tra, phân loại thông tin, hoàn thiện Báo cáo CCTTTC để lập BCTCNN tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị thuộc phạm vi tổng hợp báo cáo xử lý các khó khăn vướng mắc trong quá trình tổng hợp báo cáo.

### ***1.3. Lập báo cáo Tài chính nhà nước tỉnh***

Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh được KBNN tỉnh lập theo biểu mẫu quy định tại Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ và Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài Chính<sup>(1)</sup>; lấy ý kiến tham gia của Sở Tài chính vào các nội dung báo cáo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020; BCTCNN tỉnh năm 2020 được UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh, không qua quy trình thẩm tra, phê duyệt như Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương (*theo hướng dẫn tại Công văn số 14165/BTC-KBNN ngày 21/11/2019 của Bộ Tài chính gửi UBND các tỉnh, tỉnh trực thuộc Trung ương*).

## **2. Về một số nguyên tắc cơ bản lập BCTCNN tỉnh:**

Khác với báo cáo quyết toán NSNN tỉnh hàng năm được lập trên cơ sở số thực thu thực chi bằng tiền của quỹ NSNN, BCTCNN tỉnh được tổng hợp từ phạm vi rộng hơn, là toàn bộ khu vực nhà nước thuộc tỉnh, trong đó các tài sản hình thành từ quỹ NSNN tỉnh cũng chiếm một tỷ trọng chủ yếu. Ngoài ra, BCTCNN còn bao gồm số liệu tài chính của các quỹ tài chính nhà nước khác (như: quỹ dự trữ tài chính); số liệu thu chi sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập không phản ánh qua thu, chi NSNN (các khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị); giá trị tài sản kết cấu hạ tầng và bất động sản khác thuộc khu vực nhà nước của tỉnh Hải Dương...Số liệu chi NSNN hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp được tổng hợp trong số chi phí khác của nguồn NSNN.

### ***2.1. Về cách thức, phương pháp kế toán để tổng hợp BCTCNN tỉnh:***

Theo quy định, việc lập các báo cáo tài chính nhà nước tỉnh không chỉ dựa trên số liệu kế toán thực thu, chi bằng tiền (kế toán tiền mặt), mà còn dựa trên số liệu kế toán theo nguyên tắc doanh thu và chi phí được ghi nhận ngay từ khi khu vực nhà nước phát sinh các quyền và nghĩa vụ tài chính với các đối tượng liên quan (kế toán dồn tích).

### ***2.2. Về các nội dung phản ánh trên BCTCNN tỉnh***

BCTCNN tỉnh cung cấp thông tin về tình hình tài sản và các nguồn hình thành tài sản tương ứng của khu vực nhà nước: các tài sản được hình thành từ việc thu và chi tài chính; chi tiết các nguồn hình thành cho các tài sản nhà nước; kết quả hoạt động tài chính nhà nước qua số liệu thu và chi tài chính; cung cấp

<sup>(1)</sup>Đã loại trừ các giao dịch nội bộ

về các luồng tiền thực vào ra trong kỳ báo cáo (nội dung này báo cáo quyết toán NSNN hàng năm chưa cung cấp).

### **2.3. Về các giao dịch nội bộ phải loại trừ khi lập BCTCNN**

- Bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu, thu hồi, hoàn trả kinh phí giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện.

- Chi, tạm ứng kinh phí hoạt động; chi, tạm ứng, ứng trước kinh phí chương trình dự án, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản... cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc ngân sách cấp tỉnh.

- Giao dịch nội bộ giữa các đơn vị dự toán cấp I trong phạm vi lập Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh (*các khoản phải thu và nợ phải trả, các khoản đầu tư tài chính và nhận đầu tư tài chính, doanh thu và chi phí*).

### **3. Danh mục Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh**

Các biểu mẫu báo cáo được xây dựng theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, bao quát được tất cả các đối tượng Kế toán nhà nước, đảm bảo tính lâu dài và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai. Bao gồm: (1) Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh; (2) Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước tỉnh; (3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tỉnh; (4) Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước tỉnh.

### **4. Một số nội dung cụ thể của BCTCNN tỉnh 2020:**

#### **4.1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (Phụ lục 01 đính kèm, biểu 01 phân tích tình hình biến động BCTC).**

Báo cáo phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản nhà nước tỉnh tại thời điểm cuối năm 2020, cụ thể:

- Quy mô về tổng tài sản và tổng nguồn vốn của địa phương năm 2020 so với năm 2019 tăng xấp xỉ 14.487 tỷ đồng, tương đương tăng 28,5%:

- Về tài sản nhà nước tỉnh: Có quy mô tăng tương đối lớn ở cả hai chỉ tiêu tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Tài sản ngắn hạn năm 2020 hơn 8.751 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 12,82% của tổng tài sản), tăng gần 331 tỷ đồng (tương đương tăng 4% so với năm 2019); tài sản dài hạn năm 2020 gần 58.292 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 87,18% của tổng tài sản), tăng gần 14.517 tỷ đồng (tương đương tăng 33,2% so với năm 2019).

- Tương ứng với các tài sản nêu trên, BCTCNN tỉnh phản ánh nguồn hình thành tài sản hơn 66.863 tỷ đồng, tăng hơn 14.847 tỷ đồng (tương đương tăng 28,5% so với năm 2019).

Đánh giá tình hình tài chính năm 2020 tại tỉnh Hải Dương dựa trên các một số các chỉ số sau:

#### **(1) Chỉ số phản ánh hệ số thanh toán:**

Chỉ số phản ánh các hệ số thanh toán giúp đánh giá khả năng thanh toán của địa phương. Bộ chỉ số này gồm 6 hệ số (Hệ số khả năng thanh toán hiện

hành (tổng quát), hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn, hệ số khả năng thanh toán nhanh, hệ số khả năng thanh toán tức thời, hệ số khả năng thanh toán lãi vay, hệ số khả năng chi trả ngắn hạn).

Tổng tài sản sau khi trừ nợ phải trả năm 2020 là hơn 62.873 tỷ đồng, tổng nợ phải trả năm 2020 gần 3.991 tỷ đồng cho thấy cứ một đồng nợ phải trả của tỉnh được đảm bảo hơn 15,7 đồng tài sản, có thể đánh giá địa phương đã đảm bảo khả năng trả nợ đối với các khoản nợ phải trả là rất tốt.

(2) Chỉ số phản ánh khả năng hoạt động (tập trung đánh giá một số chỉ sau):

- Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu/Các khoản phải thu bình quân): Vòng quay khoản phải thu phản ánh tốc độ luân chuyển các khoản phải thu, cho biết khả năng thu hồi nợ của địa phương. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh và ngược lại.

Doanh thu năm 2020 hơn 17.630 tỷ đồng, các khoản phải thu năm 2020 là hơn 3.990 tỷ đồng, năm 2019 là gần 2.449 tỷ đồng chênh lệch tăng hơn 1.541 tỷ đồng bình quân 2 năm là gần 3.220 tỷ đồng cho ta thấy vòng quay khoản phải thu năm 2020 gần 5,47 đồng.

- Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu/ Vốn lưu động bình quân, trong đó Vốn lưu động bình quân được tính bằng Tổng tài sản - Tổng nợ phải trả chia 2): Vòng quay vốn lưu động đo lường hiệu quả sử dụng vốn. Chỉ tiêu này có ý nghĩa cứ bình quân 1 đồng vốn lưu động trong kỳ sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Số vòng lưu chuyển vốn lưu động càng lớn chứng tỏ tốc độ luân chuyển vốn lưu động càng nhanh.

Doanh thu năm 2020 hơn 17.630 tỷ đồng, vốn lưu động năm 2020 là hơn 62.873 tỷ đồng năm 2019 là gần 50.968 tỷ đồng bình quân 2 năm là hơn 56.920 tỷ đồng từ đó có số vòng quay vốn lưu động là hơn 0,3 đồng.

(3) Chỉ số phản ánh khả năng sinh lời:

- Tỷ suất thặng dư trên vốn chủ sở hữu (Thặng dư/Vốn chủ sở hữu): Tỷ suất thặng dư trên vốn chủ sở hữu cho biết mỗi đồng đầu tư của vốn chủ sở hữu thì tạo ra bao nhiêu đồng thặng dư, hay nói cách khác 1 đồng vốn bỏ ra thì thu được bao nhiêu đồng lời. Đây là chỉ tiêu quan trọng nhất về khả năng sinh lợi, mức độ hiệu quả khi sử dụng vốn của địa phương.

Thặng dư lũy kế đến năm 2020 gần 23.804 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu hơn 62.873 tỷ đồng; từ đó cho ta thấy cứ 1 đồng ngân sách bỏ ra thì thu được gần 0,38 đồng lời.

- Tỷ suất sinh lời của tài sản (Thặng dư/Tổng tài sản bình quân, trong đó Tổng tài sản bình quân được tính bằng Tổng tài sản năm nay + Tổng tài sản năm trước chia 2). Tỷ suất này cho biết mỗi đồng đầu tư vào tài sản thì tạo ra bao nhiêu đồng thặng dư.

Thặng dư lũy kế đến năm 2020 gần 23.804 tỷ đồng, tổng tài sản năm 2020 hơn 66.863 tỷ đồng, năm 2019 gần 52.016 tỷ đồng, tổng tài sản bình quân hơn 59.439 tỷ đồng cho ta thấy mỗi đồng ngân sách đầu tư vào tài sản thì tạo ra 0,4 đồng thặng dư.

- Tỷ suất sinh lời trên vốn nhà nước tại các doanh nghiệp (Thặng dư/vốn nhà nước tại các doanh nghiệp).

Thặng dư lũy kế đến năm 2020 hơn 23.803 tỷ đồng, vốn nhà nước tại các doanh nghiệp gần hơn 2.988 tỷ đồng kết quả là 7,96 đồng. Nhìn từ góc độ phân tích tài chính tỷ suất này cao thì hoạt động đầu tư này là có hiệu quả. Tuy nhiên tỷ suất này cũng chỉ mang tính chất tham khảo bởi nó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khi thặng dư gia tăng và số đầu tư vốn vào các doanh nghiệp thường nhỏ không dàn trải (đầu tư vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật NSNN và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân bố trí hàng năm) làm tỷ suất này tăng cao.

#### (4) Chỉ số phản ánh cơ cấu tài chính và cơ cấu tài sản

- Hệ số nợ (Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản): Hệ số nợ cho biết một đồng tài sản thì có bao nhiêu đồng vay nợ. Nếu hệ số này quá cao sẽ dẫn đến rủi ro tài chính lớn, địa phương dễ lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Tổng nợ phải trả năm 2020 là hơn 3.990 tỷ đồng, tổng tài sản là hơn 66.863 tỷ đồng cho ta kết quả gần 0,06 đồng, tỷ lệ này rất thấp; do đó cần cân nhắc trong việc vay vốn để đầu tư phát triển theo trần được quy định của Luật NSNN.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (Tổng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu). Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đo lường quy mô của một doanh nghiệp, trong một đồng vốn chủ sở hữu có bao nhiêu đồng vay nợ.

Tổng nợ phải trả năm 2020 là hơn 3.990 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu hơn 62.873 tỷ đồng cho ta thấy trong cơ cấu một đồng vốn chủ sở hữu có 0,063 đồng vay nợ.

- Cơ cấu tài sản (Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản dài hạn): Cơ cấu tài sản phản ánh tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên tài sản dài hạn của tỉnh có nghĩa rằng cơ cấu tài sản có xu hướng dịch chuyển như thế nào.

Tổng tài sản ngắn hạn trong kỳ là gần 8.572 tỷ đồng, tổng tài sản dài hạn là gần 58.292 tỷ đồng cho ta kết quả 0,147 đồng, điều đó chứng tỏ cơ cấu tài sản của tỉnh chủ yếu là tài sản dài hạn, trong đó chủ yếu là xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định trong khi tài sản ngắn hạn rất nhỏ so với tài sản dài hạn. Điều này là hoàn toàn dễ hiểu khi tình hình tài chính của tỉnh chủ yếu tập trung từ hoạt động thu, chi ngân sách do nhà nước đảm bảo nên các hoạt động quản lý tài chính được quy định chặt chẽ đặc biệt là tác động mạnh bởi cơ chế như thanh toán không dùng tiền mặt, cơ chế kiểm chế mua sắm dự trữ hàng tồn kho (trừ những mặt hàng cấp bách như thuốc, vật tư trong ngành y tế, thú ý, vật tư trong phòng chống lụt bão...), nghiêm cấm không dùng tiền ngân sách để cho vay nên tài sản ngắn hạn rất nhỏ; trong khi đó tại khu vực nhà nước thì chi phí từ

nguồn ngân sách nhà nước là chủ yếu, ngân sách địa phương đảm bảo cả chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển (mua sắm trang thiết bị, xây dựng, sửa chữa mở rộng trụ sở làm việc, xây dựng giao thông, thủy lợi, trường, trạm) làm tăng tài sản cố định đồng nghĩa sẽ tăng tài sản dài hạn.

Dựa trên các chỉ số trên có thể nói, tình hình tài chính năm 2020 đã đạt được những kết quả tích cực, đảm bảo khả năng thanh toán, thặng dư vẫn gia tăng nhưng có giảm so với năm 2019 bởi tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế toàn cầu. Điều này đã được chỉ rõ trong Nghị quyết 24/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 24/12/2020 về Kết quả thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đó là: Sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn do tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19; tăng trưởng sản xuất công nghiệp, dịch vụ đạt thấp so với nhiều năm trở lại đây; hoạt động xuất nhập khẩu giảm; một số ngành dịch vụ hoạt động khó khăn và suy giảm mạnh; thu ngân sách nhà nước không đạt dự toán giao và giảm nhiều so với năm trước...

Do đó, cần thiết phải có những biện pháp phù hợp để tiếp tục gia tăng thặng dư ngân sách. Một trong các biện pháp hữu hiệu đó là khai thác triệt để mọi nguồn thu vào ngân sách địa phương; thực hiện quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, quan tâm thu hút các dự án lớn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, dự án kết nối vùng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính bên cạnh đó cần có các biện pháp cơ cấu lại chi ngân sách, nâng cao tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển. Tăng cường công tác quản lý đầu tư, nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư theo hướng trọng tâm, trọng điểm. Sắp xếp tổ chức tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tiếp tục đẩy nhanh cải cách tài chính công, thực hiện tốt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Phòng chống tham nhũng...

#### **4.2. Về Báo cáo Kết quả hoạt động tài chính nhà nước 2020 (Phục lục II đính kèm, biểu 02 phân tích tình hình biến động Kết quả HĐKD)**

Khác với Báo cáo tình hình tài chính 2020 phản ánh tài sản và nguồn hình thành (lũy kế) của nhà nước đến hết 2020, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính 2020 chỉ phản ánh số liệu doanh thu và chi phí của khu vực Nhà nước theo từng năm của 2 năm liền kề (2019 và 2020).

Về mặt nguyên tắc, đối với doanh nghiệp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) trong một kỳ hoạt động của doanh nghiệp và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh chính. Đối với khu vực nhà nước, Báo cáo này chỉ ra sự cân bằng giữa thu nhập (doanh thu) và chi phí trong từng kỳ kế toán của khu vực nhà nước, trong đó tập trung vào hoạt động thu, chi thuộc NSNN và các hoạt động ngoài NSNN của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước (ví dụ: hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp; các hoạt động thu chi từ khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị...). Chính vì vậy thặng dư trên báo cáo này chỉ phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm từ tất cả các hoạt động tài chính trong khu vực nhà nước, khác với chỉ tiêu thặng dư trên

báo cáo tài chính đó là phản ánh tổng giá trị thặng dư lũy kế của tất cả các hoạt động tài chính trong khu vực nhà nước.

Theo đó, tổng doanh thu tài chính 2020 của tỉnh Hải Dương hơn 17.630 tỷ đồng tăng gần 440 tỷ đồng (tương đương tăng 2,56%) so với năm 2019, trong đó doanh thu thuộc NSNN hơn 15.262 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 86,57% tổng doanh thu), giảm hơn 1.131 tỷ đồng (tương đương 93,10%) so với năm 2019. Chủ yếu là doanh thu từ thuế hơn 7.500 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 42,82% của tổng thu nhập), giảm hơn 888 tỷ đồng (tương đương 89,47%) so với năm 2019; doanh thu từ phí, lệ phí hơn 658 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 3,74% của tổng thu nhập) tăng hơn 13 tỷ đồng (tương đương tăng 2,05%) so với năm 2019; doanh thu khác gần 7.013 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 39,78%), giảm gần 277 tỷ đồng (tương đương 96,2%) so với năm 2019. Doanh thu không thuộc ngân sách chiếm tỷ trọng 13,43% của tổng thu nhập gần 2.368 tỷ đồng tăng gần 1.571 tỷ đồng (tương đương tăng 197,02%) so với năm 2019.

Từ số liệu trên cho thấy, so với năm 2019 thì tình hình doanh thu trong khu vực nhà nước giảm tương đối đáng kể, đặc biệt doanh thu từ thuế chỉ đạt khoảng 89,47% so với năm 2019. Đó là do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến sản xuất kinh doanh, kinh doanh dịch vụ, làm giảm đáng kể nguồn thu vào ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu ngoài khu vực nhà nước có xu hướng tăng đều, cụ thể năm 2018 là hơn 669 tỷ đồng, năm 2019 là hơn 797 tỷ đồng và năm 2020 tăng khá cao là hơn 2.367 tỷ đồng; trong đó sự nghiệp y tế hơn 1.620 tỷ đồng, sự nghiệp giáo dục 381 tỷ đồng... Sự chênh lệch bất thường năm 2020 so với các năm trước ngoài việc có sự gia tăng doanh thu từ các hoạt động sự nghiệp công lập, có nguyên nhân chủ quan và khách quan trong công tác lập BCTCNN (năm đầu thực hiện công tác tổng hợp BCTCNN) nên các đơn vị sử dụng ngân sách gửi số liệu, thông tin đến KBNN chưa thực sự chính xác, còn nhầm lẫn trong việc xác định doanh thu, chi phí, các khoản phải thu, phải trả trong khu vực nhà nước và ngoài khu vực nhà nước. Về phía KBNN, việc kiểm tra số liệu tiếp nhận từ các đơn vị gửi đến còn nhiều hạn chế làm cho chất lượng BCTCNN những năm qua chưa thực sự đạt kết quả như mong muốn, đơn cử với chỉ tiêu Doanh thu theo quy định phải loại trừ đi doanh thu phát sinh trong khu vực nhà nước trên báo cáo bổ sung thông tin để lấy ra doanh thu thực tế mà khu vực nhà nước thu được.

Tổng chi phí năm 2020 gần 11.497 tỷ đồng tăng gần 1.770 tỷ đồng (tương đương 118,19%), trong đó chi phí từ nguồn NSNN là chủ yếu, hơn 9.226 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 80,25% của tổng chi phí), tăng hơn 1.732 tỷ đồng (tương đương 123,12%) so với năm 2019, chủ yếu là chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người gần 4.784 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 41,61% so với tổng chi phí) tăng hơn 336 tỷ đồng (tương đương 107,56%) so với năm 2019; chi phí mua sắm vật tư, công cụ và dụng cụ hơn 602 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 5,24 của tổng chi phí) giảm hơn 361 tỷ đồng (tương đương 62,52%) so với năm 2019; chi phí khác hơn 2.907 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 25,29% của tổng chi phí), tăng hơn 1.355 tỷ đồng so với năm 2019.

Chi phí từ nguồn ngoài ngân sách hơn 2.270 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 19,75% của tổng chi phí), tăng hơn 37 tỷ đồng (tương đương tăng 1,67%) so với năm 2019, trong đó chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người tăng hơn 49 tỷ đồng (tương đương tăng 3,04%) so với năm 2019; chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ tăng gần 6 tỷ đồng (tương đương tăng 4,44%) so với năm 2019.

Thặng dư năm 2020 là gần 6.134 tỷ đồng, giảm gần 1.330 tỷ đồng so với năm 2019, trong đó thặng dư từ NSNN hơn 6.036 tỷ đồng trong khi đối với khu vực ngoài ngân sách thì thặng dư gần 98 tỷ đồng.

Để đánh giá kết quả hoạt động tài chính trong năm 2020, dựa vào một số các chỉ số tổng quát như sau:

- Tỷ suất thặng dư trên doanh thu: Tỷ suất này cho biết một đồng doanh thu mà địa phương thực hiện trong kỳ thì thu được bao nhiêu đồng thặng dư. Hệ số này càng lớn chứng tỏ tỷ suất sinh lời càng cao.

Năm 2020 thặng dư gần 6.134 tỷ đồng, doanh thu hơn 17.630 tỷ đồng cho ta thấy cứ một đồng doanh thu thực hiện thì thu được 0,34 đồng thặng dư.

- Về cơ cấu chi so với doanh thu (tổng chi phí/ tổng doanh thu), năm 2020 tổng chi phí gần 11.497 tỷ đồng, doanh thu hơn 17.630 tỷ đồng cho thấy cứ một đồng doanh thu thu được thì mất gần 0,65 đồng chi phí.

+ Về cơ cấu chi từ ngân sách so với doanh thu từ ngân sách cho ta thấy cứ mỗi đồng ngân sách địa phương thu được thì chi phí từ ngân sách địa phương mất 0,6 đồng (trong đó chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người chiếm hơn 0,31 đồng; chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ chiếm gần 0,04 đồng doanh thu; chi phí khấu hao, hao mòn chiếm hơn 0,06 đồng; chi phí khác chiếm hơn 0,19 đồng). Như vậy về cơ cấu chi chủ yếu vẫn là khoản chi về con người và các khoản chi phí khác đang chiếm tỷ trọng lớn trong chi ngân sách.

+ Về cơ cấu chi ngoài ngân sách so với doanh thu không thuộc ngân sách cho ta thấy cứ mỗi đồng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và doanh thu hoạt động khác thì chi phí từ ngoài ngân sách mất gần 0,96 đồng (trong đó chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người chiếm hơn 0,7 đồng; chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ chiếm hơn 0,05 đồng doanh thu không thuộc ngân sách; chi phí khấu hao chiếm hơn 0,01 đồng doanh thu không thuộc ngân sách; chi phí khác chiếm gần 0,2 đồng).

Như vậy, các hoạt động tài chính từ khu vực nhà nước chiếm tỷ trọng lớn nên thặng dư chủ yếu ở khu vực này tạo ra. Doanh thu của hoạt động ngoài NSNN hơn 2.367 tỷ đồng còn chiếm tỷ trọng nhỏ, trong khi doanh thu thuộc ngân sách hơn 15.262 tỷ đồng chênh lệch gần 12.895 tỷ đồng chiếm khoảng 15,51% doanh thu thuộc ngân sách. Điều này phản ánh các khoản thu chi NSNN vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu của địa phương; mức độ xã hội hóa các khoản thu, chi (sự nghiệp, dịch vụ...) từ khu vực nhà nước còn thấp.

Các khoản thu nhập, đặc biệt là doanh thu từ thuế trong năm giảm hơn 1.131 tỷ đồng so với năm 2019. Những năm gần đây cho thấy, cơ cấu nguồn thu mang tính chất ổn định có xu hướng giảm, cơ cấu nguồn thu không ổn định có xu hướng tăng, chủ yếu tăng thu tiền sử dụng đất. Tại ngân sách cấp huyện, nguồn thu chủ yếu dựa vào nguồn thu tiền sử dụng đất mang tính ổn định thấp, thể hiện tính bền vững cân đối chưa cao, do đó hụt thu ngân sách tỉnh dẫn đến tỉnh phải thực hiện các biện pháp xử lý hụt thu, đặc biệt là tình hình dịch bệnh COVID 19 đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và người dân, làm tác động lớn đến tình hình tài chính của đất nước nói chung và của tỉnh nhà nói riêng. Do vậy, cần tăng cường rà soát nguồn thu, phát hiện thêm các nguồn thu mới từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, khu vực tư nhân, hộ kinh doanh. Đánh giá đầy đủ các yếu tố biến động ảnh hưởng đến nguồn thu, điều chỉnh nguồn thu mới phát sinh để tính sát với thực tế sản xuất kinh doanh, khả năng nộp ngân sách nhằm đảm bảo khai thác kịp thời các nguồn thu vào NSNN. Đây mạnh các giải pháp trong công tác quản lý thu ngân sách, với mục tiêu thu đúng, thu đủ, thu đúng hạn định, chống thất thu ngân sách để hoàn thành mức cao nhất dự toán thu ngân sách hàng năm.

Các khoản chi tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người từ nguồn ngân sách nhà nước là khá lớn, cần phải thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế, sắp xếp bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; trên cơ sở đó, thực hiện cơ cấu lại ngân sách trong từng lĩnh vực, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công, đảm bảo tài sản sử dụng đúng tiêu chuẩn, định mức, đúng mục đích, xử lý các tài sản không còn nhu cầu sử dụng; thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai tiêu chuẩn định mức; tiếp tục thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chống lãng phí, giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, vật tư văn phòng phẩm, thực hiện tốt việc khoán tiền xăng xe, công tác phí... sát với thực tế; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm xây dựng nền hành chính hiện đại, thông suốt, hiệu quả, đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý thu, chi ngân sách.

### ***4.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Phụ lục III đính kèm)***

Về lý thuyết báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo cung cấp thông tin cho người sử dụng đánh giá các thay đổi trong tài sản thuần, cơ cấu tài chính, khả năng thanh toán, khả năng tạo tiền hoặc nhu cầu huy động vốn của địa phương.

Như vậy, phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ làm tăng khả năng đánh giá khách quan tình hình hoạt động tài chính của địa phương. Khi phân tích báo

cáo lưu chuyển tiền tệ sử dụng các chỉ tiêu phản ánh dòng tiền thu vào, dòng tiền chi ra từ hoạt động chính; từ hoạt động đầu tư; từ hoạt động tài chính; các chỉ tiêu hệ số tạo tiền, lưu chuyển tiền thuần của từng hoạt động (hoạt động chính, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính) và lưu chuyển tiền thuần trong năm của đơn vị. Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ nói chung theo các nội dung: Phân tích khả năng tạo tiền và phân tích tình hình lưu chuyển tiền thuần. Theo quy định tổng hợp báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động chính trong khu vực nhà nước được lập theo phương pháp gián tiếp trên cơ sở số liệu Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp theo đó thì lưu chuyển thuần từ hoạt động chính bằng thặng dư/thâm hụt trong năm loại trừ các khoản không bằng tiền như: khấu hao TSCĐ trong năm và các khoản mục khác ảnh hưởng đến luồng tiền như thay đổi trong hàng tồn kho, các khoản phải thu phải trả trong kỳ, các khoản thu chi khác trong đơn vị... Tuy nhiên, cũng cần tham khảo một số chỉ tiêu sau:

- Chỉ số đánh giá khả năng tạo tiền từ dòng tiền chi ra (tổng dòng tiền thu vào trong năm/tổng dòng tiền chi ra trong năm): Chỉ tiêu này cho biết, bình quân mỗi đồng chi ra trong năm sẽ thu về bao nhiêu đồng. Nếu hệ số tạo tiền lớn hơn 1 cho thấy sự gia tăng dòng tiền của tỉnh, nếu hệ số tạo tiền nhỏ hơn 1 cho thấy sự sụt giảm dòng tiền của tỉnh trong năm.

Theo đó tổng dòng tiền thu vào trong năm hơn 17.630 tỷ đồng, tổng dòng tiền chi ra gần 11.497 tỷ đồng cho thấy trong năm tại tỉnh đã có sự gia tăng dòng tiền (mỗi đồng ngân sách chi ra thì thu được 1,533 đồng).

**- Phân tích tình hình lưu chuyển tiền thuần (Lưu chuyển thuần từ hoạt động chủ yếu):**

+ Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư + Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính): Phân tích tình hình lưu chuyển tiền thuần để đánh giá những nguyên nhân, tác động ảnh hưởng đến tình hình tăng giảm vốn bằng tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ. Chỉ tiêu này bị tác động bởi 3 hoạt động chủ yếu như hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính.

Kết quả báo cáo lưu chuyển thuần trong năm tại tỉnh là âm (-) hơn 1.280 tỷ đồng (tổng dòng tiền đã thu vào nhỏ hơn tổng dòng tiền đã chi ra) thể hiện quy mô vốn bằng tiền của tỉnh đang giảm, xét từng hoạt động thì lưu chuyển thuần trong hoạt động chủ yếu đang dương với số tương đối lớn thể hiện hoạt động chính tạo nên sự gia tăng tiền mặt cho tỉnh, đó là kênh tạo ra sự tăng trưởng vốn bằng tiền an toàn và bền vững. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm (-) hơn 24.678 tỷ đồng, thể hiện quy mô hoạt động đầu tư đang được mở rộng đây là số liệu chi hơn 24.703 tỷ đồng mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính âm gần 20.591 tỷ đồng là do tỉnh đã trả gốc vay gần 20.613 tỷ đồng, từ đó làm giảm bớt dư nợ hay giảm bớt sự phụ thuộc về mặt tài chính với bên ngoài.

Như vậy, cần thiết phải tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động chính dương thì hoạt động tài chính mới an toàn và phát triển. Dòng tiền thuần từ hoạt động

chủ yếu dương sẽ duy trì hoạt động liên tục, từ đó kéo theo các hoạt động khác như đầu tư, tài trợ... gia tăng. Dòng tiền từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong một kỳ nào đó không nhất thiết phải dương. Trong nhiều trường hợp, dòng tiền từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính âm lại thể hiện đơn vị đang phát triển và trả được nợ nhiều hơn đi vay. Sự thay đổi dòng lưu chuyển tiền không những cho chúng ta thông tin về tiềm lực tài chính thực sự của tỉnh, đánh giá một cách tổng thể về các chính sách tài chính của tỉnh như: chính sách huy động vốn, chính sách đầu tư... mà còn cung cấp cả những đánh giá quan trọng về chiến lược hoạt động của tỉnh để quản trị dòng tiền hiệu quả góp phần tối ưu hóa dòng tiền, lành mạnh hóa tình hình tài chính của tỉnh.

#### **4.4. Thuyết minh BCTCNN (Phụ lục IV đính kèm):**

- Phần thuyết minh: Nêu một số các nội dung liên quan để làm rõ hơn về tình hình kinh tế - xã hội, các nguyên tắc, phương pháp kế toán, tổng hợp số liệu... và giải thích rõ hơn một số số liệu chi tiết trong báo cáo mà các số liệu tổng hợp trên 3 báo cáo tài chính nhà nước nêu trên chưa chi tiết.

- Phần số liệu: Được lấy từ các chỉ tiêu của Bảng tổng báo cáo tài chính và các chỉ tiêu của Bảng tổng hợp số liệu bổ sung thông tin tài chính để làm rõ thêm các chỉ tiêu của Bảng tổng hợp BCTCNN.

Theo đó, đối với chỉ tiêu tiền thì tiền mặt có số dư cao (hơn 95 tỷ đồng) tăng hơn 25 tỷ đồng so với năm 2019, tồn quỹ tiền mặt có số dư cao tuy đảm bảo tính thanh khoản nhanh nhưng cũng là sự lãng phí nguồn lực tài chính, tiềm ẩn mất an toàn. Do vậy cần tiếp tục đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trên tất cả các lĩnh vực theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt phải đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt về thu tiền học phí tại các cơ sở giáo dục vì đây là các cơ sở tiềm ẩn nhiều rủi ro, mất an toàn về quản lý tiền mặt.

Đối với chi phí xây dựng dở dang đang có số dư tương đối lớn, hơn 11.652 tỷ đồng do đó cần tăng cường năng lực quản lý XD CB, giảm tỷ lệ XD CB dở dang, sớm đưa vào sử dụng và khai thác có hiệu quả các công trình dự án trọng tâm, trọng điểm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **5. Giải trình một số khác biệt giữa BCTCNN tỉnh Hải Dương và báo cáo quyết toán NSNN tỉnh Hải Dương 2020**

Do phạm vi và phương pháp lập BCTCNN khác với báo cáo quyết toán NSNN nên số liệu trên BCTCNN và Báo cáo quyết toán NSNN có nhiều điểm khác biệt giữa các chỉ tiêu, dẫn đến những cách nhìn khác nhau giữa số liệu tài chính nhà nước và NSNN.

#### **5.1. Mối quan hệ giữa Báo cáo quyết toán NSNN với BCTCNN**

- Số thu trên BCQTNSNN và doanh thu trên BCTCNN

BCQTNSNN	BCTCNN
----------	--------

<p>(1) Các khoản thu NSDP hưởng 100%</p> <p>(2) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %</p> <p>(3) Thu từ quỹ dự trữ tài chính</p> <p>(4) Thu kết dư</p> <p>(5) thu chuyển nguồn</p> <p>(6) Thu viện trợ</p> <p>(7) Thu bổ sung từ NS cấp trên</p> <p>(8) Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên.</p>	<p>Chỉ có khoản (1), (2), (6), (7) được phản ánh một phần hoặc toàn bộ vào Doanh thu thuộc NSNN-BCTC.</p> <p>Các khoản (3), (4), (5), (8) không được phản ánh vào doanh thu thuộc NSNN vì là giao dịch nội bộ được loại trừ (khoản 8) hoặc là được ghi nhận trong số dư đầu kỳ của chỉ tiêu Tiền &amp; tương đương tiền (khoản 3, 4, 5)</p>
---	---

Doanh thu NSNN phản ánh cả số liệu phải thu NSNN của cơ quan thuế đến hết 2020 do cơ quan Thuế quản lý phát sinh trong năm theo tờ khai của người nộp thuế, văn bản xác định nghĩa vụ thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã tính trừ đi khoản giảm thu phát sinh trong năm báo cáo; trong khi đó số quyết toán thu NSNN 2020 chỉ phản ánh số thực thu NSNN 2020 (*chi tiết chênh lệch mã biểu 04 đính kèm*).

- Số chi trên BCQTNSNN và chi phí trên BCTCNN

<b>BCQTNSNN</b>	<b>BCTCNN</b>
<p>Chủ yếu là các khoản chi bằng tiền trong năm và chi tiết theo hoạt động: chi đầu tư phát triển, chi trả nợ lãi phí tiền vay, chi thường xuyên, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới, chi chuyển nguồn sang năm sau; chi nộp ngân sách cấp trên.</p>	<p>Các khoản chi phát sinh trong năm làm giảm lợi ích của đơn vị (bao gồm các khoản chưa chi bằng tiền và chi tiết theo yếu tố chi phí: con người; công cụ, dụng cụ, dịch vụ; hao mòn/khấu hao; tài chính; khác.</p>

Trong số chi phí từ nguồn NSNN cho đầu tư XD CB, số liệu chi phí khấu hao, hao mòn TSCĐ (hình thành từ NSNN do mua sắm hoặc do chi đầu tư XD CB) chỉ được trích dần theo từng năm (tương ứng với tỷ lệ khấu hao, hao mòn theo quy định) từ khi bàn giao và đưa TSCĐ hoặc công trình XD CB vào sử dụng; trong khi đó số chi NSNN cho đầu tư XD CB hàng năm cho công trình được tổng hợp toàn bộ vào báo cáo quyết toán chi NSNN theo niên độ ngân sách. Ngoài ra, theo phương pháp tổng hợp BCTCNN, chi phí từ nguồn NSNN không tổng hợp các số liệu chi NSNN như: Chi chuyển nguồn; loại trừ các khoản chi bổ sung cân đối, bổ sung, mục tiêu... giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; chi cho hoạt động an ninh, quốc phòng; chi hỗ trợ cho các đơn vị khác đóng trên địa bàn.

- Kết dư trong BCQTNSNN và thặng dư trong BCTCNN:

+ Thặng dư trong năm phản ánh kết quả hoạt động trong năm tài chính (*chênh lệch giữa doanh thu và chi phí trong năm, bao gồm cả phần ngoài NS*). Ngoài ra, chi phí hao mòn/khấu hao TSCĐ (trong NS) không phải là khoản chi trên BCQTNSNN.

+ Kết dư là chênh lệch giữa số tiền thu vào (bao gồm cả tiền thu được nhưng không phải là thu nhập trong năm như: thu chuyển nguồn - dự toán, thu kết dư, ..) và số tiền chi ra NS trong năm (bao gồm số tiền chi ra nhưng không phải là chi phí trong năm như: chi đầu tư phát triển, chi chuyển nguồn - dự toán,...).

Từ sự khác biệt đó dẫn đến sự khác biệt về số liệu giữa thặng dư và kết dư NSNN 2019.

## 6. Giải pháp

Căn số liệu trên các BCTCNN tỉnh 2020 và các nội dung nêu trên, để nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính nhà nước tỉnh trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp như sau:

- Về khoản vốn đầu tư của Nhà nước: Với nguồn lực tài chính hiện hữu, thặng dư hàng năm gia tăng thì cần cân đối đầu tư vốn góp vào các doanh nghiệp cho phù hợp vừa đảm bảo phát triển kinh tế vừa đảm bảo an sinh xã hội, mở rộng đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ tốt hơn nữa đời sống sinh hoạt của đại bộ phận người dân.

- Về việc vay nợ của tỉnh: Cần cân nhắc để có thêm nguồn lực tài chính cho chi đầu tư phát triển, cần tính thêm việc vay nợ trong phạm vi cho phép và phù hợp với kế hoạch trả nợ để tạo nguồn.

- Về việc quản lý các nguồn thu tài chính:

+ Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh, tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, tạo cơ chế đặc thù khuyến khích, đồng hành hỗ trợ một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn đầu tư vào tỉnh. Khuyến khích đầu tư vào một số lĩnh vực dịch vụ có tiềm năng phát triển như: Viễn thông, du lịch, vận tải, tư vấn, kho vận, dịch vụ thể thao...phát triển các loại hình thương mại điện tử, đầu tư phát triển du lịch.... Cải cách thủ tục hành chính tạo bước chuyển biến đột phá về giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, nuôi dưỡng, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc.

+ Tăng cường nuôi dưỡng các khoản thu từ thuế, rà soát nguồn thu, phát hiện thêm các nguồn thu mới từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, khu vực tư nhân, hộ kinh doanh. Đánh giá đầy đủ các yếu tố biến động ảnh hưởng đến nguồn thu, điều chỉnh kịp thời nguồn thu mới phát sinh để tính sát với thực tế sản xuất kinh doanh, khả năng nộp ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo khai thác kịp thời các nguồn thu vào ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh các giải pháp trong

công tác quản lý thu ngân sách, với mục tiêu thu đúng, thu đủ, thu đúng hạn định, chống thất thu ngân sách để hoàn thành mức cao nhất dự toán thu ngân sách hàng năm. Cùng với đó UBND tỉnh cần chỉ đạo các cơ quan thu và các cơ quan liên quan trong việc đánh giá, đa dạng hóa các nguồn thu ngoài thuế, đặc biệt là các khoản thu phí của đơn vị sự nghiệp theo hướng đổi mới và thúc đẩy mạnh mẽ công tác tự chủ tài chính khu vực sự nghiệp công; thu từ các hoạt động kinh doanh của các lĩnh vực là lợi thế so sánh của tỉnh so với các tỉnh khác (ví dụ hoạt động du lịch; khu công nghiệp...) để giảm tác động của các khoản thu không mang tính bền vững và về lâu dài sẽ cạn kiệt (như khoản thu từ đầu giá quyền sử dụng đất hiện vẫn đang chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản thu tài chính...).

+ Tổ chức thực hiện tốt các luật thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước theo quy định; khẩn trương xử lý theo chế độ quy định các khoản tạm thu, tạm giữ, các khoản thuế đã kê khai nhưng chậm nộp và các khoản thuế được các cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị thu vào ngân sách nhà nước.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN; tăng cường trong quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyên giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường quản lý thuế giá trị gia tăng, thực hiện kiểm tra trước hoàn thuế đối với các trường hợp có rủi ro cao, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, để các khoản thu ngoài ngân sách nhà nước trái với quy định. Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, giao chỉ tiêu thu nợ cụ thể và đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện, hạn chế phát sinh nợ thuế mới; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế, đảm bảo đúng đối tượng, đúng pháp luật; đẩy mạnh công tác thanh tra hoạt động và việc chấp hành pháp luật của cơ quan thuế, hải quan; đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế để tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

+ Rà soát, tăng cường khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công (đất đai, tài nguyên, tài sản khu vực sự nghiệp công, tài sản là các loại kết cấu hạ tầng giao thông), tăng cường đẩy nhanh các quy trình thực hiện triển khai các dự án thu tiền sử dụng đất, kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho các dự án có thu tiền sử dụng đất nhằm huy động vốn cho phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; đẩy mạnh việc xử lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng để tạo nguồn tài chính bổ sung cho NSNN, phục vụ cho mục tiêu đầu tư phát triển và các nhu cầu khác theo quy định; kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công.

+ Khai thác hiệu quả tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản kết cấu hạ tầng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; chấm dứt việc sử dụng tài sản cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết, kinh doanh không đúng quy định theo đúng tinh thần của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Đẩy mạnh các giải pháp trong công tác quản lý thu ngân sách, rà soát, đánh giá các khoản thu, phát hiện thêm các nguồn thu, khu vực thu mới từ các doanh nghiệp lớn, đảm bảo khai thác kịp thời, đầy đủ các nguồn thu vào NSNN.

- Về việc quản lý chi phí: Cơ cấu chi phí vẫn chủ yếu là chi cho con người, do đó cần thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản chế sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển song song với việc tăng cường công tác quản lý đầu tư, nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư, đổi mới công tác bố trí vốn đầu tư theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung hoàn thành các dự án trọng điểm, các dự án kết nối vùng trong tỉnh và ngoài tỉnh. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá, huy động các nguồn lực cho xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hoá, thể thao. Tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết của Đảng và sự chỉ đạo của Chính Phủ; trên cơ sở đó thực hiện, thực hiện cơ cấu lại ngân sách trong từng lĩnh vực, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập... Bên cạnh đó, tiếp tục tăng cường các giải pháp đẩy nhanh việc giải ngân vốn đầu tư công, tiết kiệm các chi phí tài chính, giảm tỷ lệ XDCB dở dang để nhanh chóng đưa công trình XDCB đi vào sử dụng, góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội, từ đó tác động lại đến khả năng tạo nguồn cho hoạt động thu, chi tài chính.

+ Các cấp, các ngành, các địa phương cần thực hiện nghiêm túc Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng chống tham nhũng trong việc sử dụng kinh phí từ ngân sách và có nguồn gốc từ NSNN. Tăng cường công tác quản lý, công tác thanh tra tài chính, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp sử dụng ngân sách còn lãng phí, không đúng chính sách chế độ.

+ Các sở, ngành, đơn vị dự toán, các huyện, thành phố, thị xã điều hành, quản lý chi trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; chống lãng phí, giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; trong mua sắm, máy móc, trang thiết bị cần thực hiện nghiêm theo đúng Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu, Quyết định 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng tránh việc mua sắm tràn lan, kém chất lượng, thiếu sự cạnh tranh, lách luật. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm xây dựng nền hành chính hiện đại, thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.

+ Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; khắc phục triệt để, không để xảy ra tình trạng nợ đọng khối lượng xây dựng cơ bản, tuân thủ nghiêm danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Nghiêm cấm thực hiện các khoản chi ngoài dự toán, các khoản chi trái quy định của pháp luật, sử dụng ngân sách để cho vay, tạm ứng đối với những việc, nội dung sai chế độ quy định của pháp luật.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và thực hiện, công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo chi ngân sách nhà nước theo dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi và quy định pháp luật. Xử lý nghiêm về tài chính theo quy định của pháp luật đối với các sai phạm về quản lý ngân sách và tài sản của nhà nước

+ Quan tâm đến đến chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương cho giai đoạn 2021-2025.

+ Triển khai thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Các sở, ngành, UBND các cấp tiếp tục hoàn thiện các điều kiện (ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực quản lý, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật..) làm cơ sở để giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập, cũng như tạo điều kiện để thực hiện phương thức cấp ngân sách theo cơ chế đặt hàng theo tinh thần của Nghị định 32/2020/NĐ-CP.

- Về quản lý tài sản công và kết cấu hạ tầng: Để đảm bảo chính xác số liệu về tài sản là kết cấu hạ tầng, yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát và đảm bảo thực hiện theo dõi, hạch toán kế toán đầy đủ các tài sản là kết cấu hạ tầng theo đúng quy định tại Thông tư số 98/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 25/7/2014 hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 76/2020/TT-BTC của BTC ngày 5/11/2020 hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

Trên đây là nội dung về Báo cáo tài chính nhà nước năm 2020 tỉnh Hải Dương, UBND tỉnh trân trọng báo cáo HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu dự họp kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh khoá XVII;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC, Thư (30b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Triệu Thế Hùng**